

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục

Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non; Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Trường mầm non; Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 16; khoản 1 Điều 17 và điểm c khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 09/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục¹.

¹ Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non; được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư: Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010, Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2011 và Thông tư số 09/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục.

Điều 2.² Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015. Thông tư này thay thế Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục và Thông tư số 28/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. *atun*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **06** /VBHN-BGDĐT

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDMN.

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nghĩa

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực (Ban hành kèm theo Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực, bao gồm: tổ chức và hoạt động; giáo viên, nhân viên và trẻ em; cơ sở vật chất, tài chính, tài sản; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với trường mầm non, trường mẫu giáo (sau đây gọi chung là nhà trường), nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập thuộc loại hình tư thực; tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực được tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường mầm non và quy định của Quy chế này.

4. Văn bản này không áp dụng đối với việc thành lập nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hợp tác, đầu tư với nước ngoài.

Điều 2. Vị trí của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực là cơ sở giáo dục mầm non thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động là nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Nhà trường, nhà trẻ tư thực có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực có nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ trường mầm non và các quy định tại Quy chế này.

2. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển, tổ chức các hoạt động

giáo dục, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non, góp phần cùng Nhà nước chăm lo sự nghiệp giáo dục, đáp ứng yêu cầu xã hội.

3. Có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định và yêu cầu của các cơ quan có liên quan.

4. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chính sách ưu đãi đối với nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực

Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao, được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân cấp quản lý

1. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập thuộc loại hình tư thực.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực.

3. Phòng giáo dục và đào tạo có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Cơ cấu tổ chức nhà trường, nhà trẻ tư thực

Nhà trường, nhà trẻ tư thực có cơ cấu tổ chức đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu tổ chức quy định tại Điều lệ trường mầm non và phù hợp với điều kiện, quy mô của trường, bao gồm:

1. Hội đồng quản trị (nếu có);
2. Ban kiểm soát;
3. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng;
4. Tổ chuyên môn;
5. Tổ văn phòng;
6. Tổ chức đoàn thể;

7. Các nhóm, lớp.

Điều 7. Đại hội đồng thành viên góp vốn

1. Đại hội đồng thành viên góp vốn gồm tất cả các thành viên góp vốn và đều có quyền biểu quyết. Số phiếu biểu quyết của từng thành viên tương ứng với phần vốn góp theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ.

2. Đại hội đồng thành viên góp vốn có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định mục tiêu, phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường, nhà trẻ;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; giải quyết yêu cầu đột xuất về việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận;

c) Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ, báo cáo tài chính hàng năm của nhà trường, nhà trẻ;

d) Thông qua các quy định nội bộ của nhà trường, nhà trẻ về tiêu chuẩn lựa chọn Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hiệu trưởng;

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ.

3. Đại hội đồng thành viên góp vốn họp định kỳ ít nhất mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ thì Ban kiểm soát được quyền triệu tập Đại hội đồng thành viên góp vốn họp bất thường, đồng thời thông báo cho Hội đồng quản trị biết.

Điều kiện tiến hành cuộc họp được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ.

4. Nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản và được thông qua tại cuộc họp, phải có chữ ký của người chủ trì và của thư ký cuộc họp. Các quyết nghị của cuộc họp được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bằng phiếu kín tại cuộc họp và chỉ có hiệu lực khi được quá nửa số phiếu tán thành.

Điều 8. Hội đồng quản trị

1. Nhà trường, nhà trẻ tự thực có từ hai thành viên góp vốn trở lên phải có Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý và là tổ chức đại diện duy nhất

cho quyền sở hữu của nhà trường, nhà trẻ, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng thành viên góp vốn và có quyền quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, quy hoạch, kế hoạch và phương hướng đầu tư phát triển của nhà trường, nhà trẻ phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có từ 02 (hai) đến 11 (mười một) thành viên do Đại hội đồng thành viên góp vốn bầu và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm.

Đối tượng tham gia Hội đồng quản trị là những người có vốn góp xây dựng nhà trường, nhà trẻ hoặc người đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân có số vốn góp theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ.

4. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên do tổ chức hoặc cá nhân đề nghị thành lập nhà trường, nhà trẻ đề cử. Từ nhiệm kỳ thứ hai, việc thành lập Hội đồng quản trị được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp Đại hội đồng thành viên góp vốn.

5. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ba tháng một lần. Các cuộc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi có ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị đề nghị.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Các thành viên của Hội đồng quản trị bình đẳng về quyền biểu quyết.

Nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản và thông qua tại cuộc họp, phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bằng phiếu kín tại cuộc họp và chỉ có hiệu lực khi được quá nửa số thành viên của Hội đồng quản trị nhất trí. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng thành viên góp vốn thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Trường hợp số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ thì

trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng thành viên góp vốn để bầu bổ sung thành viên của Hội đồng quản trị.

Đối với nhà trường, nhà trẻ có 2 thành viên góp vốn, nếu giảm 1 thành viên góp vốn và trở thành nhà trường, nhà trẻ do 1 thành viên góp vốn đầu tư toàn bộ kinh phí xây dựng và điều hành hoạt động của trường thì chuyển sang áp dụng quy định đối với nhà trường, nhà trẻ không có Hội đồng quản trị quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

7. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Đang chấp hành bản án của tòa án;
- Vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ;
- Có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên góp vốn kiến nghị bằng văn bản đề nghị bãi nhiệm.

b) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản trị;
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Không đủ sức khỏe để thực hiện công việc đang đảm nhiệm.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng định hướng chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của nhà trường, nhà trẻ để trình Đại hội đồng thành viên góp vốn tại các kỳ họp.

2. Quyết nghị thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ để trình Đại hội đồng thành viên góp vốn xem xét thông qua; kiến nghị Đại hội đồng thành viên góp vốn xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, nhà trẻ khi cần thiết hoặc kiến nghị việc bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Hội đồng quản trị.

3. Quyết nghị thông qua các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi tài chính của nhà trường, nhà trẻ; quy định về việc hoàn vốn, rút vốn và chuyển nhượng vốn phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính.

4. Huy động các nguồn vốn để xây dựng nhà trường, nhà trẻ; phê duyệt dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm do Hiệu trưởng trình; giám sát việc quản lý tài chính và tài sản của nhà trường, nhà trẻ; báo cáo về tài chính hàng

năm của nhà trường, nhà trẻ tại cuộc họp để Đại hội đồng thành viên góp vốn xem xét thông qua.

5. Đề cử và đề nghị công nhận hoặc hủy bỏ việc công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định.

6. Phê duyệt phương án tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự của nhà trường, nhà trẻ trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng.

7. Xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ, giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát Hiệu trưởng và Kế toán trưởng trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp.

8. Triệu tập Đại hội đồng thành viên góp vốn họp thường kỳ mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có phẩm chất, đạo đức tốt, có bằng trung cấp chuyên nghiệp trở lên, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em hoặc chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục theo quy định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời giữ chức vụ Hiệu trưởng nếu có đủ các tiêu chuẩn của Hiệu trưởng được quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị; có quyền triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm chính về các quyết nghị của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của Hội đồng quản trị; chủ trì các cuộc họp của Đại hội đồng thành viên góp vốn.

b) Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý về toàn bộ hoạt động của nhà trường, nhà trẻ và kiểm soát việc điều hành của Hiệu trưởng.

c) Đầu tư và quản lý cơ sở vật chất trường lớp, cung cấp trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng nhu cầu, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

d) Trả tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm

thất nghiệp, các chi phí khác cho Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, giáo viên và nhân viên theo hợp đồng lao động.

d) Được quyền ký hợp đồng lao động với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên và nhân viên.

e) Được quyền điều hành bộ máy tổ chức và sử dụng con dấu của nhà trường, nhà trẻ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và ký các văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị.

g) Được phép thỏa thuận mức học phí với cha mẹ hoặc người bảo trợ trẻ.

h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt trong khoảng thời gian theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ thì phải ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có), hoặc một trong số các thành viên của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, thông báo công khai và báo cáo cho cơ quan quản lý trực tiếp.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền công nhận sẽ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bầu một trong số các thành viên làm Quyền chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc bầu và công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc như bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thời gian làm Quyền chủ tịch Hội đồng quản trị không quá 6 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận và không áp dụng thực hiện hai lần liên tiếp đối với một cá nhân.

Điều 11. Nhà trường, nhà trẻ tư thực không có Hội đồng quản trị

1. Nhà trường, nhà trẻ tư thực do 1 thành viên góp vốn (sau đây gọi chung là Nhà đầu tư) đầu tư toàn bộ kinh phí xây dựng và kinh phí hoạt động của trường thì không có Hội đồng quản trị.

2. Nhà đầu tư có nhiệm vụ và quyền hạn như Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 9 và khoản 4 Điều 10 của Quy chế này. Nhà đầu tư có thể đồng thời là Hiệu trưởng nếu có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này.

3. Nếu Hiệu trưởng không phải là Nhà đầu tư thì phải chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 13 của Quy chế này.

Điều 12. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của nhà trường, nhà trẻ tư thực do Hội đồng quản trị thành lập, có số lượng từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có đại diện thành viên góp vốn, giáo viên, đại diện cha mẹ học sinh. Trong Ban kiểm soát phải có thành viên có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị bầu trực tiếp.

2. Thành viên của Ban Kiểm soát không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, anh chị em ruột với thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng nhà trường, nhà trẻ.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ, của Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu và các đơn vị, tổ chức trong nhà trường, nhà trẻ;

b) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động tài chính của nhà trường, nhà trẻ và thực hiện chế độ tài chính công khai;

c) Định kỳ thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi chính thức thông qua Đại hội đồng thành viên góp vốn;

d) Báo cáo Đại hội đồng thành viên góp vốn về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường tại các kỳ họp của Đại hội đồng thành viên góp vốn;

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ.

Điều 13. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng nhà trường, nhà trẻ tư thực là người có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, khi được đề cử không quá 65 tuổi và không là công chức, viên chức trong biên chế nhà nước.

2. Hiệu trưởng là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của nhà trường, nhà trẻ; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý giáo dục và Hội đồng quản trị (nếu có) về việc tổ chức, điều hành các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và hoạt động của nhà trường, nhà trẻ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 (năm) năm.

3. Đối với nhà trường, nhà trẻ tư thực có Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng do Hội đồng quản trị đề cử và bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với trên 50% số

phiếu tán thành; được Đại hội đồng thành viên góp vốn thông qua và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận.

4. Đối với nhà trường, nhà trẻ tư thực có Hội đồng quản trị, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường mầm non và các quy định tại khoản 2 Điều này, Hiệu trưởng nhà trường, nhà trẻ tư thực còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức triển khai việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, hoạt động chăm sóc, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường, nhà trẻ theo quy định, bảo đảm chất lượng, đúng quy định của pháp luật và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhà trường, nhà trẻ;
- c) Dự kiến phương án tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự của nhà trường, nhà trẻ trình Hội đồng quản trị phê duyệt; là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng tuyển dụng giáo viên; phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.
- d) Lập dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo quy định của nhà trường, nhà trẻ; báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị và các cấp quản lý liên quan về công tác tài chính và các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ;
- đ) Bảo đảm trật tự, an ninh và bảo vệ môi trường, an toàn trong nhà trường, nhà trẻ;
- e) Được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu không phải là thành viên) nhưng không có quyền biểu quyết; có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng thành viên góp vốn về các hoạt động chăm sóc, giáo dục của trường; có quyền bảo lưu ý kiến không nhất trí với quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp xem xét, xử lý.

5. Trong cùng một thời gian, một người chỉ được làm Hiệu trưởng của một nhà trường, nhà trẻ tư thực.

Điều 14. Cơ cấu tổ chức và quản lý hoạt động của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực³

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thực ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

1. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực là cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Cơ cấu, tổ chức bao gồm: chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực; tổ trưởng chuyên môn; giáo viên, nhân viên và các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

2. Tổ trưởng chuyên môn do chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực thỏa thuận trong hợp đồng lao động, đảm bảo tiêu chuẩn và thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên; sức khỏe tốt; đảm bảo các quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định Chương trình giáo dục mầm non, bao gồm: tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực;

c) Trường hợp chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực đảm bảo các quy định tại điểm a khoản này thì đồng thời có thể làm tổ trưởng chuyên môn.

3. Số trẻ em trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực không quá 70 (bảy mươi) trẻ.

Trẻ em trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức theo độ tuổi và số lượng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

4. Điều kiện thành lập, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

5. Đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ em tới trường, lớp, các cá nhân có thể tổ chức nhóm trẻ nhằm đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em của cha mẹ và phải đăng ký hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm các điều kiện đăng ký hoạt động theo quy định tại khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức kiểm tra (thường xuyên, đột xuất) hoạt động của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực và nhóm trẻ được quy định tại khoản 5 của Điều này; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các

hành vi sai phạm theo quy định hiện hành.

Điều 15. Chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực

1. Chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực là người đứng tên xin phép thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực.

2. Tiêu chuẩn:

a) Cá nhân đứng tên xin phép thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực là công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Phẩm chất, đạo đức tốt;

c) Sức khoẻ tốt;

d) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ em hoặc chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Nhiệm vụ :

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và phòng giáo dục và đào tạo về hoạt động của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực do mình quản lý;

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực;

- Đảm bảo an toàn cho trẻ em, giáo viên và nhân viên trong nhóm, lớp;

- Đầu tư và quản lý cơ sở vật chất thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhóm, lớp theo quy định;

- Có trách nhiệm trả tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chi phí khác cho giáo viên, nhân viên;

- Có kế hoạch kiểm tra sức khoẻ định kỳ và thực hiện chế độ nghỉ hè, nghỉ lễ cho giáo viên, nhân viên theo quy định của nhà nước;

- Công khai các nguồn thu, thực hiện thu chi tài chính theo quy định hiện hành.

b) Quyền hạn:

- Được ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên theo quy định;

- Giám sát giáo viên trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ;

- Được làm giáo viên giảng dạy nếu đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

- Được phép thoả thuận mức học phí với phụ huynh;

- Được tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý.

Điều 16. Chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực có trách nhiệm thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Hệ thống hồ sơ, sổ sách, tổ chức hoạt động và đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Chương III

GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ TRẺ EM

Điều 17. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên, nhân viên

1. Tiêu chuẩn

Giáo viên trong nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực phải có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và sức khỏe theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường mầm non.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên, nhân viên

a) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo hợp đồng lao động đã ký với Chủ tịch Hội đồng quản trị, chủ đầu tư hoặc chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực; có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường mầm non.

b) Được hưởng chế độ tiền công, tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; có quyền tham gia các tổ chức xã hội, đoàn thể và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật;

c) Được khen thưởng khi có thành tích theo quy định của các cấp quản lý giáo dục, nếu có đủ các tiêu chuẩn thì được xét phong tặng các danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân và kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của trẻ em

Trẻ em ở nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Chương IV

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 19. Cơ sở vật chất

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập thuộc loại hình tự thực có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng,

đồ chơi theo quy định của Điều lệ trường mầm non và các quy định về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Khuyến khích cơ sở giáo dục mầm non tự thực đầu tư trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điều 20. Tài chính

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi; thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác liên quan.

2. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực được phép huy động vốn dưới hình thức đóng góp cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước. Nội dung huy động vốn dưới dạng cổ phần phải được thể hiện trong Đề án thành lập trường.

3. Nguồn tài chính của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực bao gồm:

- a) Vốn góp của tổ chức, cá nhân thành lập trường và nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của nhà trường;
- b) Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật;
- c) Lãi tiền gửi tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng;
- d) Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân;
- e) Hỗ trợ từ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao;
- g) Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 21. Nội dung chi

1. Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng; các khoản bảo hiểm; hoạt động đoàn thể; các khoản chi phí cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường;

2. Chi tiền ăn và phục vụ trẻ bán trú (nếu có);

3. Chi quản lý hành chính;

4. Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; tài liệu giảng dạy và học tập; chi trả tiền thuê cơ sở vật chất (nếu có);

5. Chi khấu hao tài sản cố định;

6. Chi thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan Nhà nước;

7. Chi phúc lợi tập thể, khen thưởng;

8. Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 22. Quản lý và sử dụng tài chính

1. Đối với vốn vay, vốn huy động

a) Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực phải quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vốn vay, vốn huy động như đã cam kết với tổ chức, cá nhân cho vay vốn;

b) Căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính hàng năm, sau khi đã chi trả các khoản chi phí cần thiết nếu còn dư thì được trích lập quỹ dự phòng và chia lãi cho các thành viên góp vốn.

2. Nội dung các khoản chi và mức chi do nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực tự quyết định và chịu trách nhiệm, nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước. Các nội dung chi phải được theo dõi, phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán. Việc trích lập quỹ dự phòng, chia lãi cho các thành viên góp vốn do Hội đồng quản trị hoặc chủ đầu tư quyết định phù hợp với Quy chế tổ chức, hoạt động và Điều lệ nhà trường, nhà trẻ.

3. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực phải thường xuyên tự kiểm tra, nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm tra của cơ quan tài chính cấp trên theo quy định của Nhà nước về việc sử dụng kinh phí và tình hình tăng, giảm nguồn vốn của nhà trường, nhà trẻ.

4. Định kỳ hàng quý và hàng năm, nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực phải lập báo cáo hoạt động tài chính gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo chế độ kế toán hiện hành áp dụng cho các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. Tổ chức công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

5. Hàng năm, nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực thực hiện công khai hoạt động tài chính: mức thu học phí, các khoản thu và các khoản chi.

Điều 23. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Tài sản của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực bao gồm tài sản cá nhân, tập thể tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động (kể cả tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại). Tài sản không được chia cho các cá nhân, chỉ sử dụng cho lợi ích chung của nhà trường, nhà trẻ.

2. Theo định kỳ hàng năm, nhà trường, nhà trẻ thành lập hội đồng kiểm kê định giá trị giá tài sản và tái đầu tư, bổ sung tài sản. Đối với tài sản không cần

dùng hoặc hết giá trị có thể thanh lý, bán, để thu hồi nguồn tài chính cho nhà trường, nhà trẻ.

3. Trường hợp chuyển đổi tài sản, chuyển nhượng tài sản hoặc ngừng hoạt động chăm sóc, giáo dục, nhà trường, nhà trẻ thành lập ban thanh lý tài sản, tổ chức kiểm kê toàn bộ tài sản, thực hiện việc hoàn vốn cho những người đóng góp theo quy định hiện hành.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Thanh tra, kiểm tra

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục có trách nhiệm thường xuyên thực hiện việc tự kiểm tra các hoạt động theo quy định hiện hành.

2. Cơ quan quản lý giáo dục các cấp có trách nhiệm: thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục theo thẩm quyền, đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo pháp luật về thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, về tố cáo.

Điều 25. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân cán bộ giáo viên và nhân viên nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục mầm non được khen thưởng theo quy định tại Luật Thi đua khen thưởng.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục không được phép cho bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa, sử dụng cơ sở của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục để tiến hành các hoạt động trái với pháp luật và thực hiện các hành vi thương mại hoá hoạt động giáo dục, vụ lợi, không đúng với mục tiêu đề án hoạt động của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục.

2. Trong trường hợp có đủ căn cứ chứng minh nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục không chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không bảo đảm an toàn và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; không bảo đảm yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, trang thiết bị; hoặc không có quyết định cho phép thành lập và cho phép hoạt động giáo dục mà vẫn hoạt động thì tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo một trong các hình thức sau:

- a) Nhắc nhở bằng văn bản;
- b) Xử phạt hành chính theo quy định hiện hành;

- c) Tạm ngừng công tác của cá nhân, cán bộ, giáo viên, nhân viên hoặc tạm ngừng hoạt động giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục;
- d) Đình chỉ hoạt động hoặc giải thể;
- đ) Kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật./.

atw